

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 186/2024/HS-ST
Ngày 29-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Bé;

Ông Huỳnh Vĩnh Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoài Bảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 114/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Phùng Văn T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1988 tại tỉnh Tây Ninh; nơi thường trú: Tổ B, ấp X, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn T1 và bà Nguyễn Thị C; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 11/4/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 24 tháng, chấp hành xong ngày 22/3/2019. Ngày 19/3/2020 bị Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 24 tháng, chấp hành xong ngày 26/6/2021. Ngày 17/5/2022 bị Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 24 tháng; nhân thân: Năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo bản án số 25/2015/HS-ST ngày 24/3/2015, chấp hành xong án phạt tù ngày 05/5/2016; bị bắt tạm giam từ ngày 20/02/2024 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Huỳnh Đông D, sinh ngày 25/6/2005 (vắng mặt).

Người đại diện: Ông Huỳnh Đông H, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Bà Lê Diễm H1, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số E Tỉnh lộ 2, ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Phạm Như Q, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Thường trú: Đội 6, thôn N, xã V, huyện Ú, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: 1275 Tỉnh lộ 8, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 10 phút ngày 15/8/2023, Phùng Văn T đến nhà Huỳnh Đông D chơi do trước đây T có quen biết D. T thấy D có sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đen nên nảy sinh ý định chiếm đoạt đem bán lấy tiền tiêu xài. T giả vờ nhờ D điều khiển xe đạp điện chở T đi công việc, D đồng ý. D điều khiển xe chở T ra khỏi nhà, sau đó T nói để T điều khiển xe chở D cho nhanh. T chở D theo Tỉnh lộ 7 hướng về xã A, huyện C. Trên đường đi T giả vờ lấy lý do hỏi mượn điện thoại của D để gọi cho bạn và cầm điện thoại trên tay. Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, khi cả hai đi đến đường N thuộc ấp B, xã A, huyện C thì xe đạp điện bị thùng lốp nên dừng lại. T đưa xe đạp điện cho D đẩy đi trước tìm chỗ vá, T đi bộ theo sau. T hỏi mật khẩu điện thoại để gọi cho bạn nhờ giúp đỡ nhưng thực tế T không gọi cho ai. D đọc cho T mật khẩu số “2005”. Sau đó, T chiếm đoạt điện thoại này và nhờ người đi đường (chưa rõ lai lịch) chở đến ngã tư T. T đi đến tiệm “Châu cầm đồ” địa chỉ số A Tỉnh lộ 8, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cầm điện thoại chiếm đoạt của D cho Phạm Như Q được 1.000.000 đồng. T mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Cùng ngày, Huỳnh Đông H là cha ruột của D đến công an xã A, huyện C trình báo. Lực lượng công an đã tiến hành mời T về làm việc, T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 225/KL-HĐĐGTS ngày 12/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện C kết luận: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đen, dung lượng thẻ nhớ 64GB, số Imei: 350537099250638, số thuê bao: 0389497113 có giá 7.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 đĩa DVD-R bên trong có 03 đoạn video do Phạm Như Q cung cấp, 01 USB bên trong có chứa 03 đoạn video do Huỳnh Đông H cung cấp, 01 (một) đôi dép màu đen, 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng hiệu “canary helmet” hai bên có chữ “canary helmet”, 01 (một) khẩu trang màu xám, 01 (một) áo khoác màu đen, 01 (một) nón kết màu đen.

01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đen, dung lượng thẻ nhớ 64GB, số Imei: 350537099250638 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật, tài liệu bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu.

Tại Cáo trạng số 116/CT-VKS-CC ngày 22 tháng 4 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị can Phùng

Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phùng Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như trên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan sai gì cho bị cáo.

Bị hại ông Huỳnh Đông D vắng mặt. Lời khai của D thể hiện: Vào lúc 08 giờ ngày 15/8/2023 D gặp bị cáo T ở quán nước gần nhà tại ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. T hỏi mượn xe đạp điện và kêu D đi công chuyện cùng T thì D đồng ý. T xin T chạy xe cho nhanh và D ngồi sau, T chạy qua nhiều tuyến đường Duy không rõ tên đường. Trên đường đi T hỏi mượn điện thoại của D để điện thoại cho người khác thì D đồng ý. Lúc này, xe đạp điện của D bị thủng lốp sau thì T đưa D đến một công trình xây dựng khu tái định cư ấp B, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, T hỏi mật khẩu điện thoại của D và D có nói là “2005”. Tại thời điểm này T kêu D đem xe đi sửa, T cầm điện thoại cách xa D khoảng 50 mét để nói chuyện điện thoại. Một lúc sau, D thấy một chiếc xe chạy tới T dùng tay vẫy thì xe dừng lại, T lên xe mô tô được 01 người chở đi thẳng. Sau đó, D đem xe đạp đi sửa, D xin tiền người sửa xe để đón xe buýt về nhà. Ông đã nhận lại được tài sản, đồng thời ông cũng xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Ông Phạm Như Q vắng mặt. Lời khai của ông Q thể hiện: Ngày 15/8/2023, ông có nhận cầm tài sản là 01 điện thoại của Phùng Văn T với số tiền 1.000.000 đồng. Ông không biết điện thoại trên do T phạm tội mà có. Ông đã tự nguyện giao nộp điện thoại và không yêu cầu Phùng Văn T trả lại cho ông số tiền 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi giữ quyền công tố phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 174, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phùng Văn T mức án từ 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đôi dép màu đen, 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng hiệu “canary helmet” hai bên có chữ “canary helmet”, 01 (một) khẩu trang màu xám, 01 (một) áo khoác màu đen, 01 (một) nón kết màu đen.

01 đĩa DVD-R bên trong có 03 đoạn video do Phạm Như Q cung cấp, 01 USB bên trong có chứa 03 đoạn video do Huỳnh Đông H cung cấp cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án phục vụ cho việc tra cứu.

Ghi nhận sự tự nguyện bị cáo T nộp ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính 1.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm ổn định đề nghị Hội đồng xét xử xét không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại Khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phùng Văn T không tranh luận, không tự bào chữa.

Bị cáo Phùng Văn T nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh; điều luật áp dụng; tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Bị cáo Phùng Văn T có thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đen, dung lượng thẻ nhớ 64GB, số I: 350537099250638 trị giá 7.000.000 đồng của ông Huỳnh Đông D. Bằng hành vi trên bị cáo Phùng Văn T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì mục đích có tiền tiêu xài mà bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối của mình nhằm chiếm đoạt tài sản. Bị cáo giả vờ nhờ D chở đi công việc để ra khỏi nhà, giả vờ lấy lý do hỏi mượn điện thoại để gọi cho bạn và cầm điện thoại trên tay, hỏi mật khẩu điện thoại để gọi cho bạn nhờ giúp đỡ khi xe bị thủng lốp làm Duy tưởng thật giao. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức rõ việc bị cáo chiếm đoạt tài sản là sai trái, phạm pháp nhưng bị cáo vẫn ngang nhiên đi đến hành động phạm tội nhằm thỏa mãn động cơ tư lợi của cá nhân bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý bị cáo bằng một hình phạt nghiêm khắc và cách ly ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại cũng xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, xét tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào về hình phạt là có căn cứ.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Hội đồng xét xử xét không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại Điều 32 và Khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về vật chứng vụ án:

01 (một) đôi dép màu đen, 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng hiệu “canary helmet” hai bên có chữ “canary helmet”, 01 (một) khẩu trang màu xám, 01 (một) áo khoác màu đen, 01 (một) nón kết màu đen là tài sản của bị cáo, bị cáo không có yêu cầu nhận lại, không có giá trị sử dụng, Hội đồng xét xử xét cần tịch thu tiêu hủy.

01 đĩa DVD-R bên trong có 03 đoạn video do Phạm Như Q cung cấp, 01 USB bên trong có chứa 03 đoạn video do Huỳnh Đông H cung cấp. Hội đồng xét xử xét cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án, phục vụ cho việc tra cứu.

Số tiền 1.000.000 đồng là tiền bị cáo có được từ việc cầm điện thoại cho ông Q, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện C đã thu hồi điện thoại và trả lại cho bị hại. Ông Q không yêu cầu bị cáo trả lại cho ông số tiền 1.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T nộp ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính 1.000.000 đồng.

[7] Về nghĩa vụ dân sự:

Ông Huỳnh Đông D là người bị thiệt hại về tài sản do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tại phiên tòa ông D vắng mặt nhưng hồ sơ thể hiện ông đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

Ông Phạm Như Q là người cầm điện thoại. Tại phiên tòa ông Q vắng mặt nhưng hồ sơ thể hiện ông không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về các vấn đề khác:

Ông Phạm Như Q không biết điện thoại do T phạm tội mà có. Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý. Hội đồng xét xử xét xử lý trên là phù hợp nên không xét.

[9] Về nghĩa vụ chịu án phí:

Buộc bị cáo Phùng Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phùng Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 174, Điều 38, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phùng Văn T 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 02 năm 2024.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đôi dép màu đen, 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng hiệu “canary helmet” hai bên có chữ “canary helmet”, 01 (một) khẩu trang màu xám, 01 (một) áo khoác màu đen, 01 (một) nón kết màu đen.

Ghi nhận sự tự nguyện bị cáo Phùng Văn T nộp ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính 1.000.000đ (một triệu đồng).

Căn cứ vào Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Phí và lệ phí năm 2015, Đ a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) buộc bị cáo Phùng Văn T phải chịu.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thủy